

Bản án số: 584/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Tống Thị Kim Điền.

2/ Ông Nguyễn Đoàn Đăng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 802/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số: 90/TB-TA ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị T, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường số E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị T và ông Huỳnh Minh T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2014.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không hòa hợp, không có sự quan tâm chia sẻ. Mặc dù cả hai đã tự hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không

thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn - Ông Huỳnh Minh T1*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án và nhận định như sau:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự*:

[2] Bà Tạ Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Huỳnh Minh T1; Địa chỉ: đường E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung*:

[5] Xét yêu cầu của bà Tạ Thị T về việc yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Minh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị T và ông Huỳnh Minh T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyển số 01/2014 ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Theo bà T thì trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng không hòa hợp, không có sự quan tâm chia sẻ. Mặc dù cả hai đã tự hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên, phân tích để bà T đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T1 và đoàn tụ gia đình nhưng bà T cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T1.

[9] Đối với ông T1, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng ông không đến Tòa giải quyết vụ án, ông cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của bà T và không đưa ra giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, chứng tỏ ông cũng không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà T và không có thiện chí hòa giải để đoàn tụ gia đình.

[10] Như vậy, ông T1 đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì trình bày của bà T được thừa nhận mà không cần phải chứng minh. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Về con chung: Bà T xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[12] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí về tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57

của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Minh T1.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2014, quyển số 01/2014 ngày 14/5/2014 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0015282 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. 7;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương